

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/HNGĐ -ST

Ngày: 05 - 06 - 2018

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sanh

2. Ông Phạm Xoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng – Số 24 đường Hoàng Văn Thụ, phường Phước Ninh quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2017/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXX-ST ngày 25 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Đinh Thị Thu H** - Sinh năm: 1982. Có mặt.

* *Bị đơn:* Ông **Võ Hoài D** - Sinh năm: 1970. Có mặt.

Cùng nơi ĐKKHKT tại: Số K18/40 đường Ô, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2017, bản khai, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đinh Thị Thu H trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Võ Hoài D đăng ký kết hôn vào ngày 24/12/2002 tại Ủy ban Nhân dân phường Thanh Bình, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng ông bà sống tại nhà ba mẹ ông D cho đến cuối năm 2017. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sống cùng với gia đình ông D, nên mâu thuẫn giữa bà H và gia đình ông D, ông D không bảo vệ được bà, không có tiếng nói gì trong gia đình, không bảo vệ được hạnh phúc vợ chồng, ngoài ra khi ông D uống say về chửi bới vợ và con cái, xúc phạm bà, bà đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng

nhưng không thể hàn gắn được, vợ chồng ông bà sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay, nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà không yêu thương gì ông D nữa nên bà đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

* *Về con chung*: Vợ chồng bà H và ông D có 02 con chung tên là Võ Hoài Phương D – Sinh ngày: 19/9/2004 và Võ Hoài Phương N – Sinh ngày: 19/8/2007.

Ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến tuổi thành niên không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản chung*: Vợ chồng bà H và ông D không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

* *Về nợ chung*: Vợ chồng bà H và ông D không nợ ai và không ai nợ chúng tôi, nên không đề cập giải quyết.

Tại bản khai, phiên hòa giải và tại phiên toà bị đơn ông Võ Hoài D trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Võ Hoài D thừa nhận lời trình bày của bà H về điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn là đúng.

Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng ông bà sống tại K18/40 Ô, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng cho đến cuối năm 2017.

Theo ông D vợ chồng không có mâu thuẫn gì cả, bà H nộp đơn đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với ông, vì bà H có quan hệ ngoài luồng, nhưng ông D không có chứng cứ gì về việc quan hệ ngoài luồng của bà H, ông thừa nhận ông uống say về nhà có to tiếng vì bức xúc nhưng không hành hung vợ con. Nay bà H đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với ông thì ông không đồng ý vì ông con yêu thương bà H, ông D có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình để cùng nhau chăm lo cho các con.

* *Về con chung*: Ông D xác nhận vợ chồng ông có 02 con chung tên là Võ Hoài Phương D – Sinh ngày 19/9/2004 và Võ Hoài Phương N – Sinh ngày: 19/8/2007.

Ông D không đồng ý ly hôn nên ông không nghĩ đến vấn đề giải quyết con chung.

Trong trường hợp Toà án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông thì về con chung ông D đồng ý giao hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên vì ông tôn trọng ý kiến của các con.

Về cấp dưỡng nuôi con thì thuộc vào thu nhập thực tế hàng tháng của ông D, ông sẽ cấp dưỡng nuôi con và trực tiếp giao cho bà H không cần thiết Toà án phải giải quyết.

* *Về tài sản chung*: Vợ chồng ông D và bà H không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

* *Về nợ chung*: Vợ chồng ông D và bà H không nợ ai và không ai nợ chúng tôi, nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về nội dung

[1] Về Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Võ Hoài D có đăng ký kết hôn vào ngày 24/12/2002 tại Ủy ban Nhân dân phường Thanh Bình, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện do vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông D, HĐXX thấy sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng ông bà sống chung trong gia đình ông D nên dẫn đến mâu thuẫn giữa bà H với gia đình ông D làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng ông bà, bà H cùng với ông D đã ra ở riêng nhưng ông D chỉ ở được thời gian, sau đó ông về lại nhà ba mẹ ông để sinh sống, mặt khác bà H và ông D thường xuyên cãi vã nhau, ông D uống say về nhà cãi vã với vợ con. Từ cuối năm 2017 cho đến nay bà H và ông D đã sống ly thân, việc ai người đó làm, bà H cho rằng không còn yêu thương gì ông D nữa nên bà đề nghị giải quyết cho ông được ly hôn với ông D.

Về phía ông D cho rằng ông con tình cảm với bà H nên không đồng ý ly hôn, ông muốn gia đình được đoàn tụ nhưng ông không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách hơn, vợ chồng đã ra ở riêng để hạn chế mâu thuẫn giữa bà H với gia đình ông D, nhưng ông D đã không cùng với bà H khắc phục mâu thuẫn vợ chồng.

Qua xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn của bà H và ông D địa phương không nắm được

Do vậy HĐXX thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đinh Thị Thu H đối với ông Võ Hoài D là có cơ sở phù hợp với các quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Quan hệ con chung: Bà Đinh Thị Thu H và ông Võ Hoài D có hai con chung tên là Võ Hoài Phương D – Sinh ngày: 19/9/2004 và Võ Hoài Phương N – Sinh ngày: 19/8/2007.

Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, ông D không đồng ý ly hôn nên về con chung không nghĩ đến vấn đề giải quyết.

HĐXX thấy hiện nay các con chung đang sống cùng với bà H, để không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của các con chung, đồng thời để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, và các con chung có nguyện vọng được ở với mẹ, tại phiên tòa ông D cho rằng trong trường hợp Tòa án giải quyết cho bà H ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý giao các con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng vì ông tôn trọng ý kiến của các con. Do vậy, HĐXX thấy việc giao hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà H không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] *Quan hệ tài sản chung*: Vợ chồng bà H và ông D không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Vợ chồng bà H và ông D không nợ ai và không ai nợ ông bà nên không đề cập giải quyết.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Theo Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Đinh Thị Thu H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về quyền và nghĩa vụ của các đương sự đã được đảm bảo theo đúng các quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam

Đề nghị HĐXX giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn của bà Đinh Thị Thu H đối với ông Võ Hoài D.

Xử cho bà Đinh Thị Thu H được ly hôn với ông Võ Hoài D.

- Về quan hệ con chung: Giao hai con chung tên là Võ Hoài Phương D – Sinh ngày: 19/9/2004 và Võ Hoài Phương N – Sinh ngày: 19/8/2007 cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng.

Quan hệ tài sản chung: Vợ chồng bà H và ông D không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng bà H và ông D không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, nên không đề cập giải quyết.

Như đã phân tích thì HĐXX chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của bà Đinh Thị Thu H đối với ông Võ Hoài D

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử Bà Đinh Thị Thu H được ly hôn với ông Võ Hoài

D

2. Quan hệ con chung: Xứ Giao hai con chung tên là Võ Hoài Phương D – Sinh ngày: 19/9/2004 và Võ Hoài Phương N – Sinh ngày: 19/8/2007 cho bà Đinh Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Ông Võ Hoài D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Sau này vì quyền lợi của con chung các bên vẫn có quyền thỏa thuận hoặc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Quan hệ tài sản chung: Vợ chồng bà Đinh Thị Thu H và ông Võ Hoài D không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: Vợ chồng bà Đinh Thị Thu H và ông Võ Hoài D không nợ ai và không ai nợ vợ chồng ông bà nên không đề cập giải quyết.

5. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Đinh Thị Thu H phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 9786 ngày 11/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, tp Đà Nẵng
- Ủy ban nhân dân phường T Quận H, thành phố Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thu Ba

